TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **147**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống.

Ông Huỳnh Hữu Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 224/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 221/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị D, sinh năm 1980 (có mặt).
Nơi cư trú: Ấp 9, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (vắng mặt).
Nơi cư trú: Ấp 8, xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-7-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đoàn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 24-10-2010. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hằng ngày, anh Tuấn có mối quan hệ như vợ chồng với người phụ nữ khác và không quan tâm chăm lo cho gia đình. Nay chị D yêu cầu ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị D và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Việt K

(nam), sinh ngày 29-4-2005 và Nguyễn Hoài T (nam), sinh ngày 18-6-2008; hiện nay các con đang sống chung với vợ chồng. Khi ly hôn, chị D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng các con; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị D và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại văn bản ghi nhận ý kiến của các con chung: Cháu Nguyễn Việt K và Nguyễn Hoài T xác định hiện nay đang sống với chị D. Trường hợp Tòa án chấp nhận chị D và anh T ly hôn thì nguyện vọng của các cháu được sống chung với chị D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện M, tỉnh Cà Mau ngày 24-10-2010 đúng theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị D, thấy rằng: Tại phiên tòa, chị D xác định vợ chồng đã ly thân trong khoảng thời gian dài; hiện nay chị không còn tình cảm yêu thương anh T và thể hiện sự quyết tâm mong muốn được ly hôn. Đồng thời, chị D khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ. Trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D được ly hôn với anh T.

[4] Về nuôi con chung: Chị D yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng Nguyễn Việt K (nam), sinh ngày 29-4-2005 và Nguyễn Hoài T (nam), sinh ngày 18-6-2008; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, anh T không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về quyền và nghĩa vụ nuôi con chung. Tại văn bản ghi ý kiến các con chung thể hiện: Cháu K và T đều có nguyện vọng sống cùng với chị D. Tại phiên tòa, chị D khẳng định hiện nay chị có việc làm và thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 10.000.000 đồng nên đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng các con. Trên cơ sở xem xét ý chí, nguyện vọng của các con chung và điều kiện nuôi dưỡng các con của chị D nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D. Giao cháu K và T cho chị D tiếp tục trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh T không có đơn yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí: Chị Đoàn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị D, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị D ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Việt K (nam), sinh ngày 29-4-2005 và Nguyễn Hoài T (nam), sinh ngày 18-6-2008 cho chị Đoàn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đoàn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đoàn Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 02 tháng 7 năm 2018, chị D đã dự nộp án phí 300.000 đồng tại biên lai số 0012077 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Đoàn Thị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- UBND xã K, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Minh Út